TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2023/KDTM-PT
Ngày: 27/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc
Các Thẩm phán: 1/- Ông Võ Bảo Anh.
2/- Bà Hà Thị Phương Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trí Khương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Đồng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT-KDTM ngày 30/5/2023 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2023/QĐ-PT ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S1**. Địa chỉ: số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Cần Thơ: số 95-97-99 đường Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Thái A, Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro - Chi nhánh C.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn Đ**. sinh năm: 1955.
Bà **Nguyễn Thị M**. sinh năm: 1962.

Địa chỉ: B khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Võ Hồng H**. sinh năm: 1952.
- Bà **Mai Thị T**. sinh năm: 1958.

Địa chỉ: I B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; Cùng ủy quyền tham gia tố tụng cho: ông Nguyễn Thế S. sinh năm: 1961. Địa chỉ: L đường số I, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền ngày 02/8/2023*).

- Chị **Võ Thị Hồng O**. sinh năm: 1978.
- Anh **Võ Hoài H1**. sinh năm: 1981.
- Anh **Ngũ Tiến B**. sinh năm: 1998.

- Anh **Lê Võ Q**. sinh năm: 2004.

Ngụ cùng địa chỉ ông H, bà T và cùng ủy quyền tham gia tố tụng cho ông H, bà T (văn bản ủy quyền ngày 02/8/2023).

- **Phòng C1** (nay đổi thành Văn phòng công chứng N). Địa chỉ: A đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 12/4/2013 bà Nguyễn Thị M, ông Huỳnh Văn Đ có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh C - P, chi tiết như sau: Hợp đồng tín dụng số: LD1310200280 ngày 12/4/2013, số tiền vay: 03 tỷ, thời hạn vay đến 17/4/2027; trả vốn lãi vào ngày 17 hàng tháng. Ngày 17/4/2013 bà M ký Giấy nhận nợ số LD1310200280, số tiền: 03 tỷ. Ngày 30/6/2014 bà M tiếp tục ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 100 triệu, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Để đảm bảo nợ vay, bà M và ông Đ đã thế chấp 01 Lô đất có diện tích 235,1m^2 (T) và căn nhà cấp 02 trên đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H001883/BT ngày 29/12/2006 (nội dung thay đổi ngày 20/9/2012).

Trong quá trình vay vốn, bà M ông Đ đã thanh toán nợ vay cho Ngân hàng số tiền 250 triệu, cùng lãi phát sinh đến hết ngày 16/6/2014, sau đó ngưng đến nay không tiếp tục trả vốn, lãi phát sinh cho Ngân hàng M1 đã qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà M, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 18/12/2014 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn lại là 2.860.591.866đ, lãi phát sinh đến ngày 14/02/2022 với số tiền 4.445.043.557đ và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thì bị đơn vẫn phải thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu các án phí và các chi phí liên quan.

Ngân hàng không đồng ý yêu cầu độc lập của ông Võ Hồng H và bà Mai Thị T, vì Ngân hàng nhận thế chấp tài sản là đúng theo quy định của pháp luật. Khi nào bị đơn thanh toán nợ gốc, lãi xong thì Ngân hàng đồng ý giải chấp tài sản mà ông Đ, bà M đã thế chấp.

* *Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị M*: vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Võ Hồng H, bà Mai Thị T trình bày: Ngày 04/9/2012 ông bà có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng căn nhà tọa lạc tại số B (số M) B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ cho vợ chồng ông Đ, bà M với giá 06 tỷ, phương thức thanh toán là vợ chồng ông Đ, bà M trả trước 1,5 tỷ, số còn lại 4,5 tỷ sẽ trả 05 lần, mỗi lần trả ít nhất 500 triệu vào tháng 9 hàng năm và dứt điểm trong 05 năm. Đồng thời, phải trả lãi 1%/tháng trên tổng số tiền còn lại. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ, bà M không thực hiện nghĩa vụ như cam kết cho nên ông bà đã khởi kiện ra Tòa án quận C. Tại Quyết định số 54 ngày 29/7/2014 của Tòa án quận C công nhận ông Đ, bà M còn nợ ông bà số tiền 4.942.000.000đ và các khoản cam kết khác. Tuy nhiên, ông Đ bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay ông bà yêu cầu được ưu tiên trong việc thanh toán khoản nợ mà ông Đ, bà M còn nợ trong trường hợp phát mãi tài sản căn nhà trên. Ngoài ra, trong quá trình lập hồ sơ cho ông Đ bà M vay, Ngân hàng đã vi phạm quy trình cho vay không thẩm định tài sản nên đã xảy ra tranh chấp. Hơn nữa, Ngân hàng đã thu được tiền lãi từ khoản cho vay của ông Đ, bà M trên 01 tỷ. Vì vậy việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, ông bà không đồng ý. Do ông Đ, bà M khi giao dịch chuyển nhượng nhà, đất chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán xong nợ cho ông bà, các bên cũng chưa thực hiện việc bàn giao nhà, đất nên ông Đ, bà M chưa thực sự là chủ sở hữu. Ông bà giữ nguyên yêu cầu độc lập đề nghị tuyên bố Hợp đồng thế chấp giữa bà M, ông Đ với Ngân hàng là vô hiệu để xử lý tài sản ưu tiên trả nợ cho ông bà.

+ VPCC Nguyễn Thanh Đ1 trình bày: Hợp đồng thế chấp bất động sản số công chứng 361, quyển số 01/2013/TP/CCSCC/HĐGD ngày 17/4/2013 giữa bên thế chấp bà Nguyễn Thị M, ông Huỳnh Văn Đ với bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh C đã được Công chứng viên Phòng C1 Cần Thơ (nay là VPCC Nguyễn Thanh Đ1) công chứng theo đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu của các bên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. VPCC Nguyễn Thanh Đ1 đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Cái Răng đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 30/3/2023 đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hồng H, bà Mai Thị T.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền 8.153.105.945đ; trong đó: nợ gốc 2.860.591.866đ và nợ lãi trong hạn 3.743.537.658đ, nợ lãi quá hạn 1.548.976.421đ tạm tính đến ngày 27/3/2023 theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1310200280 ngày 12/4/2013, hợp đồng thẻ tín dụng S2 ngày 30/6/2014 mà nguyên đơn và bị đơn đã ký.

Ngân hàng TMCP S1 có quyền tính lãi tiếp tục theo các hợp đồng nói trên giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký từ ngày 28/3/2023 cho đến khi phía bị đơn thanh toán dứt nợ.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp bất động sản số LD 1310200280 ngày 12/4/2013 công chứng tại Phòng C1 Cần Thơ (nay là VPCC Nguyễn Thanh Đ1)

số công chứng 361, quyển số 01/2013/TP/CCSCC/HĐGD ngày 17/4/2013 giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh C - P và bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị M đã ký kết là vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07/4/2023 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S1 nộp đơn kháng cáo yêu cầu phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: công nhận hợp đồng thế chấp để Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ và không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Hồng H, bà Mai Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; người liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên ý kiến.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: nguyên đơn kháng cáo không có căn cứ đề nghị không chấp nhận, giữ y bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết và được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ; Người liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn vì bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền nhận chuyển nhượng tài sản và các bên chưa tiến hành thủ tục giao nhận nhà đất. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*" là không chính xác; mà chỉ là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Cấp sơ thẩm xác định và đưa Ngân hàng TMCP S1-Chi nhánh C-Phòng G vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác. Bởi lẽ, vấn đề này đã được hướng dẫn, giải thích rõ tại Công văn số 38/KHXX ngày 29/3/2007 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc pháp nhân khởi kiện và ủy quyền khởi kiện vụ án dân sự. Chi nhánh C-Phòng G là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện và trực tiếp tham gia tố tụng chứ không phải là người liên quan trong vụ án. Do đó, cấp phúc thẩm không triệu tập và cũng không đưa Chi nhánh C-Phòng G vào tham gia tại cấp phúc thẩm.

[3] Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và Tòa án đã thực hiện đúng thủ tục cấp, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật; riêng VPCC Nguyễn Thanh Đ1 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa phúc thẩm vẫn tiến hành theo quy định.

* Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng:

[4] Căn cứ vào Quyết định giám đốc thẩm số 37/2019/KDTM-GĐT ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định đã chỉ rõ: "…*hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, các bên đương sự có thỏa thuận vợ chồng ông H, bà T được quyền tiếp tục sử dụng nhà đất cho đến khi ông Đ, bà M thanh toán hết tiền nhận chuyển nhượng. Trên thực tế, sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, gia đình ông H, bà T vẫn tiếp tục sinh sống trong căn nhà này cho đến nay*.

Khi Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh C, Phòng G ký kết hợp đồng nhận thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà do ông Đ, bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã không thực hiện việc xem xét, thẩm định hiện trạng tài sản thế chấp nên không biết gia đình ông H, bà T đang trực tiếp quản lý sử dụng nhà đất theo hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất có điều kiện nêu trên. Việc nhận thế chấp của Ngân hàng trong trường hợp này là chưa đúng quy định pháp luật về trình tự, thủ tục nhận thế chấp tài sản đảm bảo."

[5] Như vậy, do giao dịch ban đầu là giao dịch dân sự có điều kiện đã bị vô hiệu, Ngân hàng nhận thế chấp tài sản nhưng không thẩm định tài sản để hiểu rõ hiện trạng tài sản nhận thế chấp là lỗi của Ngân hàng. Từ đó giao dịch thế chấp này cũng vô hiệu theo, trong trường hợp này Ngân hàng không được bảo vệ quyền lợi của người thứ ba khi giao dịch dân sự vô hiệu do không thuộc trường hợp ngay tình theo Điều 125 vả khoản 2 Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2005. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Kháng cáo không có căn cứ nên không được chấp nhận. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét. Quan điểm của Kiểm sát viên phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị giữ y án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, Điều 91, 148, khoản 2, 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 125, 127, 138 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

2/- Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

3/- Về án phí phúc thẩm: nguyên đơn phải chịu 300.000đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003062 ngày 10/4/2023 thành án phí phúc thẩm; đã nộp xong..

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Tuấn Quốc

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND.Q. Cái Răng;
- Chi cục THADS Q. Cái Răng;
- Lưu (HS - 2b).